

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung của học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: <i>TIẾNG TRUNG QUỐC</i>
1.3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung	1.4. Tên tiếng Anh: CHINESE
1.5. Số tín chỉ:	03
1.6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết.
- Thực hành	15 tiết
- Tự học:	120 giờ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
Học phần học trước:	Tên các học phần trước (nếu có): Tiếng Trung Quốc 4 hoặc trình độ tương đương.
1.8. Đơn vị phụ trách học phần	Bộ môn thực hành tiếng Trung
1.9. Ngành đào tạo	

Ghi chú:

- a. Đối với học phần 2 TC: Lý thuyết = 10 → 15 tiết và Thực hành = 20 → 15 tiết (tùy theo từng học phần và do TBM phân bố), Tự học = 60 giờ
- b. Đối với học phần 3 TC: Lý thuyết = 15 tiết và Thực hành = 30 tiết, Tự học = 90 giờ

2. Mục tiêu học phần

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức từ vựng, cấu trúc câu đơn giản ở trình độ tiền trung cấp và các kiến thức xã hội liên quan, tăng cường rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu, kỹ năng ứng dụng kiến thức đã học để viết câu và đoạn văn ngắn; sinh viên cũng được hướng dẫn cách thu thập, tổng hợp thông tin sau khi đọc và trình bày dưới dạng văn bản, rèn luyện cách tự học chủ động và tích cực.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Phân loại Chuẩn (*)	Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
KT1	CLO1	Ghi nhớ cách dùng từ các điểm ngữ pháp trong các bài học
KT2	CLO2	Ghi nhớ các phương pháp nghe, nói, đọc, viết đơn giản được trình bày trong chương trình

KN1	CLO3	Đọc hiểu được một số đoạn văn mức độ tiền trung cấp
KN2	CLO4	Vận dụng được kiến thức đã học để viết được câu và đoạn văn ngắn theo chủ đề cho sẵn; Nghe hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự
NL2	CLO5	Biết cách hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả
NL1	CLO6	Chủ động, chuyên cần, tích cực và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu

4. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H))

Bảng 4.1 Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	PLO1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
CLO 1		L								
CLO 2	L									
CLO 3			L							
CLO4			L							
CLO5								L		
CLO6									L	L
Tổng hợp học phần	L	L	L					L	L	L

5. Chiến lược giảng dạy-học tập

(GV xem Tài liệu đính kèm về Chiến lược giảng dạy-học tập để chọn PPGD phù hợp với HP để hoàn thành mục này. GV có thể đề xuất thêm các PPGD-Học tập khác)

5.1 Phương pháp giảng dạy

Phương pháp được nêu trong chiến lược dạy- học sẽ được sử dụng tùy theo nội dung bài học và tình hình lớp học, trong số đó, các phương pháp chủ yếu được sử dụng bao gồm:

- Thuyết giảng
- Hỏi – đáp
- Thuyết trình

- Làm việc theo nhóm

- Bài tập về nhà kết hợp với chiến lược tự học của sinh viên

- Tích hợp công nghệ: sử dụng PPT, phương tiện nghe nhìn bổ sung bài giảng; ứng dụng triệt để các phương pháp dạy học trực tuyến trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh, thiên tai... để đảm bảo chuẩn đầu ra.

5.2 Phương pháp học tập (đề nghị):

- Tự chuẩn bị trước từ vựng, bài khóa và các vấn đề thắc mắc trước khi đến lớp

- Nghe giảng, chủ động trao đổi ý kiến về những tình huống trong bài, hợp tác với giảng viên và bạn cùng học để hoàn thành việc khám phá kiến thức mới

- Chủ động, tích cực hoàn thành các bài tập tại lớp và trên moodle

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra trong lớp và cuối kỳ

6. Đánh giá HP

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Đánh giá	Trọng số	Hình thức đánh giá	Nội dung	Trọng số con	Phương pháp đánh giá	Lquan đến CDR	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1) Điểm quá trình	50%	A.1 Chuyên cần	Tham gia đủ 100% số buổi	10%	Gọi tên SV	CLO6	- Điểm danh
		A.2 Thái độ	Tham gia các hoạt động trên lớp	20%	GV quan sát, đánh giá, ghi nhận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Đánh giá hoạt động trên lớp
		A.3 Hoạt động trên moodle	Tham gia các hoạt động trên moodle	30%	GV đánh giá, ghi nhận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Đánh giá hoạt động trên moodle
		A.3 Kiểm tra	Các bài kiểm tra trong quá trình giảng dạy (ít nhất 2 lần kiểm tra)	40%	SV làm bài kiểm tra tự luận theo đề do GV yêu cầu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- SV làm bài, GV chấm và sửa bài
(2) Điểm		Kiểm	+ Từ vựng	50%	Viết-tự	CLO1	- SV làm bài,

cuối kỳ	50%	tra	+ Ngữ pháp + Đọc hiểu + Viết câu/đoạn		luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	GV chấm bài theo sự phân công của Khoa
---------	-----	-----	---	--	------	------------------------------	--

6.2. Ma trận kiểm tra – đánh giá để đạt CĐR học phần

Bảng 6.2. Ma trận kiểm tra - đánh giá để đạt Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

HỌC PHẦN (TÍN CHỈ)	BÀI KIỂM TRA	DẠNG BÀI TẬP (Task type)	ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	CẤP ĐỘ (Theo thang Bloom)					
					Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo
1. Tiếng Trung Quốc (3TC)	Test 1	Tự luận, gồm các hình thức sau (tham khảo): - Điền trống - Câu hỏi Đúng-Sai - Nói từ/ câu - Đọc hiểu - Viết câu	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO4 CLO6		✓	✓	✓			✓
	Test 2	Tự luận, gồm các hình thức sau (tham khảo): - Điền trống - Câu hỏi Đúng-Sai - Nói từ/ câu - Đọc hiểu - Viết câu/ đoạn	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO4 CLO6		✓	✓	✓			✓
	Cuối kỳ	Tự luận	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO4 CLO6		✓	✓	✓			✓

6.3. Chính sách đối với HP

Yêu cầu đối với SV	Phải thực hiện theo đúng quy định của trường.
--------------------	---

Quy định về tham dự lớp học	- SV có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có đám cưới, đám tang hoặc nằm viện có giấy ra viện. - Vắng buổi thứ 2 sẽ bị trừ 25% điểm chuyên cần; vắng buổi thứ 3 trừ 50% điểm chuyên cần. Vắng buổi thứ 4 thì bị hủy toàn bộ điểm chuyên cần. - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện. - Tham dự kiểm tra suốt quá trình học phần lấy điểm quá trình - Tham dự thi kết thúc học phần.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - SV phải đi học đúng giờ quy định. SV đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học, trừ trường hợp Gv cho phép - SV vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM.

7. Nội dung giảng dạy

Tuần/tiết	Nội dung
1/4	- Giới thiệu môn học, phương pháp đánh giá và các qui định liên quan - Bài 1
2/4	- Bài 2: - Bài 3:
3/4	- Bài 3 (tiếp theo) - Bài 4
Hoạt động học tập trên Moodle	Ôn tập bài 1-4, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi HSK3.....
4/4	- Bài 5: - Bài 6:
5/4	- Bài 6 (tiếp theo) - Bài 7
6/4	- Bài 8 - Hướng dẫn kỹ năng đọc – hiểu và làm bài thi HSK
Hoạt động học tập trên Moodle	Ôn tập bài 5-8, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi HSK3,
7/4	- Bài 9: - Bài 10:
8/4	- Bài 10 (tiếp theo) - Bài 11
9/4	- Bài 12

	- Hướng dẫn kỹ năng viết và làm bài thi HSK
Hoạt động học tập trên Moodle	Ôn tập bài 10-14, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi HSK3.....
10/4	- Bài 13: - Bài 14:
11/4	- Bài 14 (tiếp theo) - Bài 15
12/4	- Ôn tập, giải đáp thắc mắc, tổng kết môn học

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Khương Lê Bình (bản dịch tiếng Việt của TS. Nguyễn Thị Minh Hồng)	2016	Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài học)	NXB Tổng hợp TP.HCM và Công ty Nhân Trí Việt
2	Khương Lê Bình (bản dịch tiếng Việt của TS. Nguyễn Thị Minh Hồng)	2016	Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập)	NXB Tổng hợp TP.HCM và Công ty Nhân Trí Việt
3	毛悦 (Chủ biên: Mao Duyệt)	2010	汉语天天读, 初级篇	NXB Đại học Bắc Kinh
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Triệu Kim Minh (bản dịch tiếng Việt của TS Nguyễn Thị Minh Hồng)	2010	路(短期速成外国语汉语会话课本, Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc-Tập 2)	NXB Tổng hợp TP.HCM, công ty TNHH Nhân Trí Việt.
2	Thôi Vĩnh Hua	2014	New Concept 2 – Chinese	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh
3	Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (bản dịch tiếng Việt của TS Nguyễn Thị Minh Hồng)	1990	汉语会话 301 句 (301 câu đàm thoại tiếng Hán)	NXB Tổng hợp TPHCM và Công ty Nhân Trí Việt)

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tổng hợp Mẫu câu tiếng Trung Giao tiếp hàng ngày Cơ bản nhất!	https://chinese.com.vn/nhung-mau-cau-giao-tiep-tieng-trung-co-ban.html	29/9/2020
2	Từ Vựng HSK 3: Tổng Hợp 600 Từ Vựng Tiếp Theo	https://toihocTiengTrung.com/hsk-3	29/9/2020
3	Đề thi HSK 3: Bộ đề luyện thi chứng chỉ tiếng Trung mới nhất năm 2020	https://chinese.com.vn/de-thi-hsk-3-tieng-trung-hay-va-bam-sat-de-thi.html	29/9/2020

PHỤ LỤC**9.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP****Bảng 9.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP**

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)
1	- Giới thiệu môn học, phương pháp đánh giá và các qui định liên quan -Bài 1: 周末你有什么打算? 1.1. Từ vựng 1.2. Đọc hiểu 1.3. Ngữ pháp: + <i>Bổ ngữ chỉ kết quả</i> + <i>Cấu trúc: “—....也、都+不/没”</i> + <i>Liên từ “那”</i> 1.4. Luyện tập	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ ngữ, điểm ngữ pháp trong bài khóa + Nghe hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự + Viết được các câu có bổ ngữ kết quả, cấu trúc: “—....也、都+不/没” + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung và tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>
2	Bài 2: 他什么时候回来? 2.1. Từ vựng 2.2. Đọc hiểu 2.3. Ngữ pháp + <i>Bổ ngữ chỉ phương hướng đơn giản</i>	2	+ Ghi nhớ cách dùng từ ngữ, điểm ngữ pháp trong bài khóa + Nghe hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao	CLO1 CLO2	- Tự đọc trước nội dung và tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2]) - Nghe	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>

	+ Cấu trúc diễn tả hai hành động xảy ra liên tiếp + Câu hỏi cấu trúc “能...吗” Bài 3 桌子上放着很多饮料 3.1. Từ vựng 3.2. Đọc hiểu 3.3. Ngữ pháp + “还是” và “或者” + Câu diễn tả sự tồn tại: Từ/ cụm từ chỉ vị trí + động từ + 着 + từ chỉ số đếm + lượng từ + danh từ + Trợ động từ “会”		tiếp được trong tình huống tương tự + Làm được các bài tập liên quan đến bổ ngữ chỉ xu hướng đơn giản; cấu trúc liên động; câu hỏi “能...吗”, “还是” và “或者”; câu tồn tại...	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	
3	Bài 3 (tiếp theo) Bài 4: 她总是笑着跟客人说话。 4.1. Từ vựng 4.2. Đọc hiểu 4.3. Ngữ pháp + Cấu trúc “又...又” + Cấu trúc: Động từ 1 + với 着 + tân ngữ 1 + động từ 2 + tân ngữ 2	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Nghe hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	Kiểm tra cuối mỗi bài
Hoạt động học tập trên Moodle		Ôn tập bài 1-4, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi HSK3.....				
4	Bài 5: 我最近越来越胖了。 5.1. Từ vựng 5.2. Đọc hiểu 5.3. Ngữ pháp + Trợ từ chỉ sự thay đổi “了” + Cấu trúc: 越来越 + với tính từ/ động từ chỉ trạng thái tâm lý Bài 6: 怎么突然找不到了? 6.1. Từ vựng 6.2. Đọc hiểu 6.3. Ngữ pháp	3	+ Ghi nhớ cách dùng từ, điểm ngữ pháp trong bài khóa + Nghe hiểu, đọc hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự + Viết được câu biểu thị sự thay đổi hoặc và đoạn văn ngắn có cấu trúc “越来越”, bổ ngữ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	Kiểm tra cuối mỗi bài

	+ <i>Bỏ ngữ chỉ khả năng: Động từ 得/不</i> + Bỏ ngữ chỉ khả năng + Cấu trúc được dùng để hỏi vị trí: Danh từ+ “呢” + “刚” và “刚才”		chỉ khả năng...			
5	Bài 6: (tiếp theo) Bài 7: 我跟她都认识五年了。 7.1. Từ vựng 7.2. Đọc hiểu 7.3. Ngữ pháp + <i>Cách diễn tả khoảng thời gian</i> + <i>Cách diễn tả sự hứng thú</i> + <i>Cách diễn tả thời gian với “半, 刻, 差”</i>	3	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Nghe hiểu, đọc hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự + Viết câu và đoạn văn ngắn + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>
6	- Bài 8: 你去哪儿我就去哪儿。 8.1. Từ vựng 8.2. Đọc hiểu 8.3. Ngữ pháp + “又” và “再” + <i>Đại từ nghi vấn được sử dụng linh hoạt (1)</i> - Hướng dẫn kỹ năng đọc – hiểu và làm bài thi dạng HSK (giáo trình 天天读, bài 7 春节倒贴“福”字))	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Nắm được kỹ năng đọc hiểu cơ bản hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan + Nghe hiểu, đọc hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2][3]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>
Hoạt động học tập trên Moodle			Ôn tập bài 5-8, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi HSK3,			
7	Giáo trình HSK3: Bài 9: 她的汉语说得跟中国人一样好。 9.1. Từ vựng 9.2. Đọc hiểu	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học	CLO1 CLO2	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>

	9.3. Ngữ pháp + Cấu trúc 越 A 越 B + Cấu trúc so sánh (1): A 跟 B 一样 (+ tính từ) Bài 10: 数学比历史难多了 10.1. Từ vựng 10.2. Đọc hiểu 10.3. Ngữ pháp + Cấu trúc so sánh (2): A 比 B + tính từ + 一点儿/一些/得多/多了 + Cách diễn tả số ước lượng		+ Sử dụng được cấu trúc 越 A 越 B và cấu trúc so sánh để viết câu và đoạn văn ngắn + Nghe hiểu, đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan; nói được các chủ đề tương tự	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	tập (tài liệu [1][2][3]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	
8	Bài 10 (tiếp theo) Bài 11: 别忘了把空调关了。 1.1. Từ vựng 1.2. Đọc hiểu 1.3. Ngữ pháp: + Câu chữ “把” (“把”字句) + Cách biểu đạt khái số (2) (概数的表达 2: 左右) 1.4. Luyện tập	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Sử dụng cấu trúc câu chữ “把” và các con số ước lượng để viết câu và đoạn văn ngắn + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2][3]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	Kiểm tra cuối mỗi bài
9	Bài 12: 把重要的东西放在我这儿吧。 2.1. Từ vựng 2.2. Đọc hiểu 2.3. Ngữ pháp + Cách sử dụng “才” và “就” + Câu chữ “把” 2 (“把”字句 2) 2.4. Luyện tập - Hướng dẫn kỹ năng đọc-viết và làm bài thi HSK (Giáo trình 天天读, bài 12: 金婚老夫妇的地铁)	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Nghe hiểu được các câu đơn giản trong bài và giao tiếp được trong tình huống tương tự + Sử dụng cấu trúc câu chữ “把”, “才” và “就” để viết câu và đoạn văn ngắn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2][3]) - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	Kiểm tra cuối mỗi bài

	婚礼)		+ Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan			
Hoạt động học tập trên Moodle			Ôn tập bài 10-14, giải đáp bài tập, thực hành làm bài thi dạng HSK3.....			
10	Bài 13: 我是走回来的。 3.1. Từ vựng 3.2. Đọc hiểu 3.3. Ngữ pháp +Bổ ngữ xu hướng phức hợp (复合趋向补语) + Cấu trúc “—边.....—边.....” 3.4. Luyện tập Bài 14: 你把水果拿过来。 4.1. Từ vựng 4.2. Đọc hiểu 4.3. Ngữ pháp + Cấu trúc chữ “把”: A 把 B+动词+结果补语、趋向补语 + Cấu trúc: “先.....再又....., 都/还/也.....” 4.4. Luyện tập	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ, các điểm ngữ pháp trong bài học + Viết cấu trúc câu chữ “把”, “才” và “就” để viết câu và đoạn văn ngắn + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2] - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>
11	Bài 14 (tiếp theo) Bài 15: 其他都没什么问题。 5.1. Từ vựng 5.2. Đọc hiểu 5.3. Ngữ pháp + Cấu trúc “除了.....以外, 都/还/也.....” + Đại từ nghi vấn được sử dụng linh hoạt 2 (疑问代词活用2) + Bổ ngữ trình độ: “程度的表达: 极了”	4	+ Ghi nhớ cách dùng từ trong bài khóa + Ghi nhớ các điểm ngữ pháp trong bài học + Viết câu và đoạn văn ngắn + Đọc hiểu nội dung bài khóa, làm bài tập liên quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Tự đọc trước nội dung bài mới, tra từ mới, bài tập (tài liệu [1][2][3] - Nghe giảng, nêu thắc mắc, tham gia hoạt động tại lớp	<i>Kiểm tra cuối mỗi bài</i>

	5.4. Luyện tập					
12	- Ôn tập - Giải đáp thắc mắc - Công bố điểm quá trình - Cho SV ký tên	4		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đọc thêm tài liệu tham khảo [3]	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Cshương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Sư Vạn Hạnh	Bút lông, máy chiếu, micro....		
2	Cao Thắng			
3	Thất Sơn			
4	Trường Sơn			
5	Hóc Môn			

Trưởng khoa

TP.HCM, ngày tháng năm 2023
 Trưởng bộ môn Người biên soạn

Phạm Thị Duyên Hồng